

PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU VÀ PHONG CÁCH VIẾT CỦA GIÁO SƯ TÔN THẮT DƯƠNG KỲ

TÔN NỮ QUỲNH TRẦN*

Nhận bài ngày: 31/5/2018; đưa vào biên tập: 4/6/2018; duyệt đăng: 25/7/2018

Giáo sư Tôn Thất Dương Kỳ (1914-1987), bút danh Dương Kỳ, Mẫn Khánh, Mẫn Khánh Dương Kỳ, Tiêu Văn, Vọng Khánh... là nhà hoạt động chính trị, đồng thời là nhà nghiên cứu văn - sử - địa. Ông có nhiều bài viết đăng trên tạp chí *Tri Tân*, *Tập văn Ngày mai*, có một số sách đã được xuất bản như *Việt sử khảo lược*, *Nghị luận luân lý*, *Nghị luận văn chương*, *Áo vải cò đào...*, bên cạnh đó còn nhiều công trình ở dạng bản thảo viết tay hoặc đánh máy, trong đó có những công trình dài hơi như *Độc Truyện Kiều* (tập thượng và tập hạ)⁽¹⁾, *Lịch sử Hoàng Sa - Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam* (tập 1 và tập 2)⁽²⁾.

Trong bài viết này, chúng tôi muốn giới thiệu đến bạn đọc phương pháp nghiên cứu đa ngành của giáo sư Tôn Thất Dương Kỳ, trong đó chú trọng

đến việc khảo sát điền dã vì thực tiễn chính là “chất men” làm dậy lên nghiên cứu qua đối chiếu, kiểm chứng, thực chứng.

Giáo sư Tôn Thất Dương Kỳ bắt đầu cuộc đời nghiên cứu của mình từ khi còn khá trẻ. Theo hồ sơ cá nhân⁽³⁾ của ông thì vào năm 1938, lúc 26 tuổi ông đã đoạt giải nhất cuộc thi văn chương về những vấn đề kinh tế nhân Hội chợ ở Huế với tiểu luận *Vấn đề di dân lập làng ở miền Trung*. Đó là thời điểm mà ông đang làm thừa phái hạng 6, phẩm Hàn lâm viện đãi chiếu tại Bộ Kinh tế Nông thôn, Thủ công nghiệp và Cứu tế xã hội (Huế, 1935-1945). Công việc tiếp xúc với công văn, giấy tờ về kinh tế nông thôn, về thủ công nghiệp của một Hàn lâm viện đãi chiếu cùng những chuyến khảo sát đã cho ông những tư liệu rất thực. Tiểu luận *Vấn đề di dân lập làng ở miền Trung* là công trình khởi điểm cho sự nghiệp

* Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển.

ngiên cứu khoa học của ông, và ngay từ lúc ấy, đã thể hiện phương pháp nghiên cứu chú trọng đến điền dã của ông.

1. QUAN SÁT ĐIỀN DÃ – CHẤT MEN NGHIÊN CỨU

Trong sách *Nghị luận luân lý*, Tôn Thất Dương Ky nhấn mạnh đến một thao tác quan trọng trong nghiên cứu là quan sát từ thực tiễn: “Nhìn là một khả năng tự nhiên, cũng như thở, không cần phải học để nhìn. Nhưng quan sát là kết quả của sự rèn luyện cặp mắt ta; phải bắt đầu rèn luyện từ ngày thơ ấu, không thì sẽ mù suốt đời. Bước đầu trong việc tập làm văn là phải rèn luyện khả năng quan sát, phải rèn luyện nhãn lực cho nhạy, cho sâu, thấy được tế vi ẩn kín của sự vật. Đừng bỏ một cơ hội nào mà chẳng quan sát, trong nhà, ngoài đường, tại nhà trường, trên đường lộ, vì rằng đàn ông viết bằng óc, đàn bà viết bằng lòng, thì tuổi trẻ viết bằng mắt... Chúng ta đã thấy học sinh cần, ngay từ buổi thơ ấu, tập luyện, quan sát thế giới bên ngoài, rút trong thực tế những yếu tố, rồi nhờ óc tưởng tượng chế hóa ra, để đem vào trong bài luận. Chính sự chế hóa đó làm cho ta thấy tài độc đáo của mỗi người: cùng một hiện tượng xã hội, mỗi học sinh có thể cảm nghĩ mỗi cách khác nhau. “... Sự thật là *viên men* đặt vào óc lòng ta, *men* ấy được làm kỹ càng, nghĩa là sự thật có được quan sát chín chắn, thì rượu tưởng tượng mới dậy lên thơm ngát ngào” (Dương Ky, 1958: 5-7).

Sau mốc khởi đầu với tiểu luận *Vấn đề di dân lập làng ở miền Trung*, Tôn Thất Dương Ky tiếp tục có những loạt bài đăng trên Tạp chí *Tri Tân* như *Một bức thư Huế* (số 56), *Tháng 7 năm Quý Mão năm 1783 chúa Nguyễn Ánh có chạy thẩu Côn Lôn...?* (số 73), bốn bài *Du ký Indrapura* (*Đồng Dương*) trên Tạp chí *Tri Tân* số 107, 108, 109, 110). Hầu hết các bài khảo cứu này đều mang dấu ấn rất rõ về các cuộc điền dã thực tế của tác giả. Từ các kiến thức về Champa qua các tác phẩm kinh điển của Việt Nam như *Khâm Định Việt sử thông giám cương mục*, *Đại Nam thực lục*, *Đại Việt sử ký*, *Đại Việt sử ký toàn thư*, hoặc các công trình của người Pháp như *Le Royaume de Champa* (Georges Maspéro, 1928)... , kết hợp với phương pháp nghiên cứu riêng của bản thân, ông đã xử lý hòa quyền các loại tư liệu: tư liệu điền dã, tư liệu văn bản và tư liệu từ dân gian trong loạt bài này. Quan sát tháp Chăm ở Indrapura, ông lưu ý đến quan điểm của các học giả Pháp về kiến trúc Champa: “Một đặc sắc của nền kiến trúc Chăm [Chăm] là, ở trên cửa, hoặc trong lòng tháp, trên phòng, họ không xây cuốn tò vò như ta hoặc Tàu bao giờ. Tại các chỗ đó đều xây theo cách mà các kiến trúc sư Pháp gọi là “*encorbellements successifs*”⁽⁴⁾ và giải thích kiểu kiến trúc ấy là: “hàng gạch trên quá hàng gạch dưới một tí, cứ như thế cho đến trên chóp. Trên các cửa thì ta thấy hình một cái tam giác và trong lòng hồng ta lại thấy hình một kim tự tháp, mà các bậc cứ nhỏ dần, nhỏ dần, để khuất trong tối.

Cách xây như thế được chắc chắn, nhưng phải cái làm cho cửa thành hẹp, lòng tháp thành chật. Vì thế nên tháp nào của Chăm có quy mô cũng không được to lớn” (Mãn Khánh Dương Ky, 1943: 16).

Bên cạnh đó, ông bày tỏ sự cảm nhận của bản thân trước nghệ thuật Chăm: “Xem một tháp Chăm, ta có cảm giác đang ngắm một chiếc nhẫn: chỗ nào cũng chạm trổ rất tỉ mỉ từ dưới chân cho đến chóp. Ít có viên gạch nào thoát khỏi lưới đục. Tuy chạm bộn bề nhưng xem trong toàn thể thì rất cân đối, rộng rãi, và nhịp nhàng” (Mãn Khánh Dương Ky, 1943: 17).

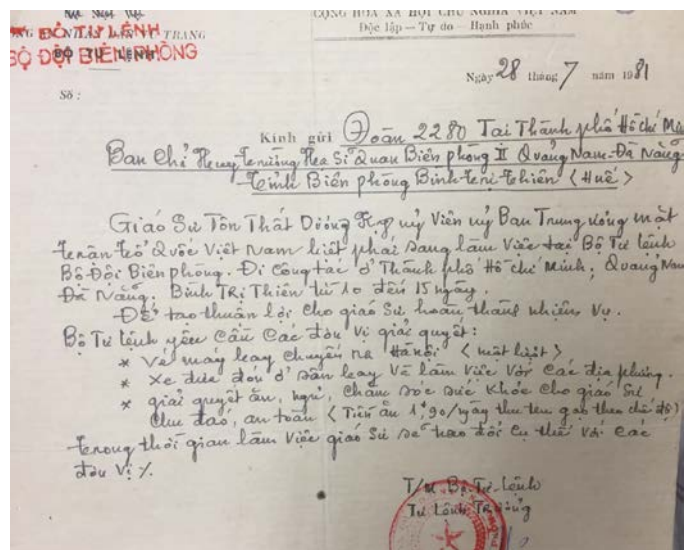
Đồng thời ông cũng đưa ra giả thuyết dựa trên truyền thuyết dân gian về nguyên nhân tạo nên sự kết dính của các viên gạch Chăm: “Có người bảo rằng muốn xây những cái tháp nguy nga tráng lệ như thế, trước hết người Chăm sắp những viên gạch còn ỉu⁽⁵⁾ thành tháp, rồi lấy đục chạm trổ đầu đuôi xong xuôi, mới chắt lửa đốt. Có thể, những viên gạch mới hoàn toàn sát nhau, và những nét chạm đi từ viên gạch này qua viên gạch khác mới liền lắ, tự nhiên như thế được” (Mãn Khánh Dương Ky, 1943: 17).

Sau này, khi vào sống và dạy học tại Sài Gòn từ năm 1955, Tôn Thất Dương Ky vẫn là người hăng hái đi du khảo, phục vụ cho công việc

giảng dạy và nghiên cứu. Chính trong một chuyến du khảo cùng sinh viên Văn khoa vào cuối năm 1964 tại Quảng Trị, ông đã được cùng các sinh viên đi thăm cầu Hiền Lương, mà không ngờ vài tháng sau thì chính ông lại bị chính quyền Việt Nam Cộng hòa tống xuất đi qua cây cầu chia cắt hai miền này vì các hoạt động chính trị của ông. Và, cũng chính Hoàng Xuân Tựu, tỉnh trưởng Quảng Trị, người đã từng tiếp ông cùng đoàn du khảo, là người tổ chức việc tống xuất⁽⁶⁾.

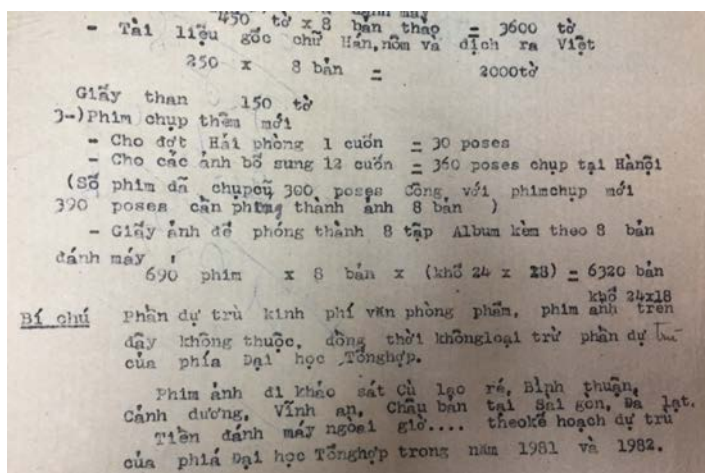
Trong quá trình biên soạn công trình *Lịch sử Hoàng Sa - Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam*, ông có những chuyến điền dã tại rất nhiều nơi. Ông đi điền dã không những để cảm nhận, để thấy tận mắt, nghe tận tai hơi thở của thực tiễn mà còn ghi nhận hình ảnh, tìm tòi tư liệu. Năm 1981, được biệt phái

Hình 1. Công văn của Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng giới thiệu giáo sư Dương Ky đi công tác tại các địa phương biên phòng



Nguồn: Hồ sơ cá nhân, Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển, số hiệu KH180.48-7.

Hình 2. Một trang trong bản kế hoạch công tác của giáo sư Dương Kỳ gửi Phòng Khoa học Biên phòng, Bộ Tư lệnh Bộ đội Biên phòng



Nguồn: Hồ sơ cá nhân, Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển, số hiệu KH180.48-2.

sang làm việc tại Bộ Tư lệnh Bộ đội biên phòng để nghiên cứu về chủ quyền của Hoàng Sa - Trường Sa, ông đã đi đến nhiều nơi, hoặc nơi có tài liệu, hoặc là các địa phương có liên quan đến Hoàng Sa - Trường Sa như Quảng Nam, Đà Nẵng, Quảng Bình, Quảng Trị, Thừa Thiên - Huế.

Tại những nơi này ông đã chụp ảnh, lấy tư liệu tại địa phương và trong các thư viện.

Tài liệu trên (Hình 2) cho thấy ông đã chụp nhiều hình ảnh trong các chuyến điền dã. Với máy chụp ảnh bằng phim, không phải là máy kỹ thuật số như bây giờ, ông đã chụp được khoảng 960 bức, trong đó có các châu bản đang lưu trữ tại TPHCM.

Những chuyến đi, những thu lượm từ thực tiễn ấy là một phần chất liệu hỗ trợ ông viết những bài đầu tiên về Hoàng Sa - Trường Sa, như *Hoàng*

Sa và Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam (Tạp chí Đại đoàn kết, số 40, 1979); *Từ Bãi Cát Vàng đến Hoàng Sa và Trường Sa lãnh thổ Việt Nam* (Sử học, số 2: Những vấn đề khoa học lịch sử ngày nay, 1981; *Thêm một tư liệu cổ về quần đảo Hoàng Sa, lãnh thổ Việt Nam: địa đồ Bãi Cát Vàng* (Quần đảo Hoàng Sa, trong *Thiên hạ bản đồ đời Lê Thánh Tông* (1460-1497), (Báo Quân đội Nhân dân, số 7797); *Việt Nam thực thi chủ quyền*

lãnh thổ tại Hoàng Sa (Tạp chí Sông Hương, số 13) và cuối cùng là công trình *Lịch sử Hoàng Sa - Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam* công phu của ông (1981).

2. HÒA QUYỀN TƯ LIỆU CHÍNH THỐNG VỚI TƯ LIỆU DÂN GIAN

Trong công trình *Lịch sử Hoàng Sa - Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam*, chất liệu dân gian được ông thường xuyên sử dụng bên cạnh những tư liệu cổ, và những tư liệu điền dã khác để chứng minh chủ quyền Việt Nam đối với Hai Sa⁽⁷⁾.

Việc giải thích tên gọi “Biển Đông” của Việt Nam trong công trình này là một minh chứng. Ông dẫn chứng việc nhà nước Việt Nam đã từ lâu gọi biển ở phía Đông đất liền của mình là Biển Đông bằng cách đưa ra hình Biển Đông (Đông Hải) trong phù điêu trên đỉnh đồng Cao đỉnh đúc năm

1835, trưng bày tại Thế Miếu, Đại Nội - Huế.

Ông viết: “Hình chạm Biển Đông trong phù điêu trên Cao đỉnh là một khẳng định rắn bằng đồng vững trên ba chân đỉnh danh xưng ấy của biển Việt Nam”; rồi sau đó ông đưa ra câu ca dao Việt Nam:

Dã tràng xe cát Biển Đông

Nhọc lòng mà chẳng nên công cán gì

Câu ca dao có nhắc đến danh xưng Biển Đông cho thấy tên gọi ấy đã được dân chúng sử dụng từ lâu đời, khác với tên South China Sea (tiếng Anh) hay Mer de Chine méridionale (tiếng Pháp) hay là tên Nam Hải.

Trong công trình này, ông cũng đưa ra những bằng chứng xác đáng chứng minh chủ quyền Việt Nam đối với Hoàng Sa - Trường Sa bằng những văn liệu chính thức của nhà nước Việt

Hình 3. Hình chạm Biển Đông (Đông hải - 東海) trong phù điêu trên đỉnh đồng Cao đỉnh, nhà nước Việt Nam đúc năm 1835, Thế Miếu, Đại Nội - Huế



Nguồn: Tôn Thất Dương Ky, Trần Xuân Cầu. *Lịch sử Hoàng Sa - Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam*, bản thảo đánh máy, tr. 39.

Nam như *Dư địa chí* của *Lịch triều hiến chương loại chí*, *Hoàng Việt địa dư chí*, *Đại Nam thực lục chính biên*, *Đại Nam nhất thống chí*, *Phủ biên tạp lục*,...; hoặc các bản đồ như *Thiên hạ bản đồ*, *Nam Việt bản đồ*, *Hồng Đức bản đồ*, bản đồ *Itinéraire militaire de Thang Long (Hanoi) à la capitale du Tchampa* của G. Dumoutier, *Toán tập Thiên Nam tứ chí lộ đồ thư*⁽⁸⁾ Giáp Ngọ niên bình nam đồ, *Thiên tải nhàn đàm*...

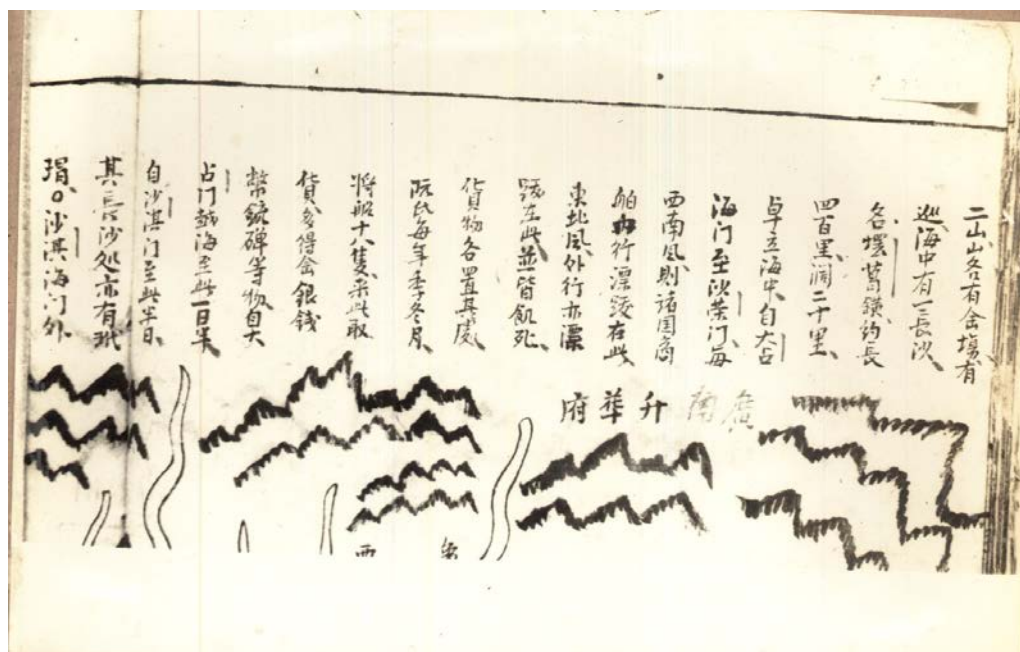
Sau đây là hai trang 43a và 42b của *Hồng Đức bản đồ* mà ông đưa ra làm bằng chứng về chủ quyền của Việt Nam đối với Hoàng Sa.

Phần trên của cả hai trang là đoạn văn thuyết minh về Bãi Cát Vàng (Hoàng Sa). Ông phiên âm và dịch đoạn văn trên như sau:

Phiên âm: “Hải trung hữu nhất Trường Sa, danh Bãi Cát Vàng ước trường tứ bách lý khoát nhị thập lý, trác lập hải trung, tự Đại Chiêm hải môn chí Sa Vinh môn. Mỗi Tây Nam phong, tắc chư quốc thương bạc nội hành phiêu bạt tại thử, Đông Bắc phong, ngoại hành diệc phiêu bạc tại thử tịnh giai cơ tử. Hóa vật các trí kỳ xứ. Nguyễn thị mỗi niên quý Đông nguyệt, tương thuyền thập bát chích, lai thử thủ hóa, đa đắc kim ngân tiền tệ sủng đản đẳng vật. Tự Đại Chiêm môn việt hải chí thử nhất nhật bán, tự Sa Kỳ môn chí thử bán nhật. Kỳ trường sa xứ diệt hữu đòi mồi”.

Dịch:

“Giữa biển có một bãi cát dài, tên là Bãi Cát Vàng dài ước 400 dặm rộng

Hình 4: Hai trang 43a và 42b của *Hồng Đức bản đồ*

Nguồn: Tôn Thất Dương Ky, 1983: 30.

20 dặm dựng đứng giữa biển. Từ cửa biển Đại Chiêm đến cửa biển Sa Vinh⁽⁹⁾, mỗi khi có gió Tây Nam thì thuyền buôn các nước đi ở phía trong trôi giạt tại đây, gió Đông Bắc đi ở phía ngoài cũng trôi giạt tại đây. Điều chết đói cả. Hàng hóa thì đều để nơi đó. Mỗi năm vào tháng cuối mùa Đông, họ Nguyễn đưa 18 chiếc thuyền đến đây lấy hàng hóa, được phần nhiều là vàng bạc, tiền tệ, súng đạn. Từ cửa biển Đại Chiêm vượt biển đến đây thì phải mất một ngày rưỡi. Từ cửa Sa Kỳ đến đây thì phải nửa ngày⁽¹⁰⁾. Nơi bãi cát dài ấy cũng có đồi mồi” (Tôn Thất Dương Ky, 1982: 30).

Và ông chứng minh tiếp luận điểm này bằng cách đưa ra những tư liệu mà ông tìm được trong chuyến đi điền dã ở Quảng Ngãi vào năm 1981, là ba bài văn mà người dân địa phương còn giữ

được về lính Hoàng Sa - Trường Sa. Đó là:

- Bài văn *Khao thế lính Trường (Hoàng) Sa văn*
- Bài văn *Thế binh lính Trường (Hoàng) Sa khoa*
- Bài văn *Thế lính Trường (Hoàng) Sa khoa* (2 bản), viết tay bằng văn Hán hoặc văn Nôm, hoặc văn Hán Nôm có niên đại 1822 và 1867.

Những bài văn ấy là: “những dấu ấn hai Sa⁽¹¹⁾ khắc vào tập tục tín ngưỡng văn học của quần chúng sâu sắc vì chính họ trực tiếp lao động góp công nhiều và nặng nề nhất, làm nên lịch sử các hải đảo của nước nhà” (Tôn Thất Dương Ky, 1982: 88).

Ông mô tả những lễ cầu an, cầu phước, cầu vong, lễ khao lễ thế lính Trường (Hoàng) Sa đã được cử hành

ở Quảng Ngãi trước Cách mạng tháng Tám theo các bài văn ấy:

- Cầu an vào lúc gió Bắc tàn, gió Nồm sắp xuất hiện đưa nhẹ cánh buồm của những đội Hoàng Sa ra Bãi Cát Vàng, cầu cho đừng có những cơn bão rút không chịu theo quy luật, cầu cho được muôn dặm sóng êm. Cùng với những đợt heo may đầu tiên của gió Bắc, đội Hoàng Sa trở về sau khi hoàn thành nhiệm vụ trong năm.

- Cầu phước, cầu cho lao động của những anh hùng Hoàng Sa được nhà nước đánh giá đúng mức, được thưởng bằng những “ngân tiền có khác nhau”⁽¹²⁾, bằng những chức nọ, tước kia.

- Cầu vong, tưởng niệm đến những người “đi có về không”⁽¹³⁾ đã nằm xuống ở hai Sa. Tiếng vọng của những lễ cúng kiến ấy hiện nay còn dội mãi trong các làng ven bờ biển Nghĩa Bình, sau khi chúng đã lùi vào dĩ vãng không được cử hành nữa.

“Chúng ta hãy trân trọng lắng nghe ca dao tả lễ ‘khao lè’ ấy trong một thi phẩm tuyệt tác, dồi dào tình cảm đến ý tràn ra ngoài lời:

*Trường (Hoàng) Sa thế lính khao lè
Gươm cây nộm đất một bè chuối trôi.*

Và lòng ta cũng trôi theo, đến viếng thăm và tỏ nỗi nhớ ơn những vị anh hùng biển cả đã vì các thế hệ sau ngã xuống tại các hải đảo được ngòi bút tài tình của nhân dân chấm phá nhưng rất ‘tú lự’ súc tích như thế này:

Hoàng Sa một bãi cát vàng

Nước trong thấu đáy hàng hàng lông chông.

Cảnh đẹp thực đấy nhưng coi chừng: hàng hàng lông chông (tức là ám tiêu san hô chìm dưới nước) mà chỉ một chiếc thôi cũng đủ đâm thủng thuyền. Đến khi ấy thì có thể:

*Trường (Hoàng) Sa lắm đảo nhiều cồn
Chiếc chiếu bó tròn, bảy sợi dây mây.*

Hy sinh không phải chỉ vì một phút lợi tay lái mà chính vì lao động gian khổ tại lắm đảo nhiều cồn, bão gào sóng đập.

Cho nên chúng ta thông cảm sâu sắc với những phút mềm lòng, thương tiếc của tiền nhân khi tưởng niệm đến những anh hùng lao động đã hy sinh ở hai Sa bằng những lễ:

Cầu an, cầu phước, cầu vong.

*Trường (Hoàng) Sa đi có, về không
thấy về!*

Cho dù chỉ có về không,

Lệnh vua sai phải quyết lòng ra đi.

Người đi thì thế, còn kẻ ở?

Chiều chiều sóng dậy biển Đông,

Thương gái có chồng đi lính Hoàng Sa.

Qua vài đoạn trong các bài Văn khoa dẫn trên cũng đủ thấy một quan niệm độc đáo trong văn học dân gian Việt Nam ngày trước. Rõ ràng là thế giới thần linh của những anh hùng lao động đã được phong thần và thế giới của người trên trần gian này cùng lòng cùng quyện vào nhau, hai nhưng là một, những người đã mất đang sống: ôm lưới, đánh cồng..., đang quây quần với nhau: cùng ăn một đội... mười người một chiếu..., hiện thực đến lạ lùng. Chủ nghĩa hiện thực của

nhân dân ta lúc trước là thế đó. Cái lỗi của quan niệm thần linh của họ là như thế đó, là một mặt khác, một mặt phản ảnh khác của hiện thực”.

Đánh giá những dẫn chứng từ văn học dân gian, ông viết “Những tác phẩm ấy không chỉ là thơ ca, mà còn là lịch sử, hiện vật, nhân chứng. Những nhân chứng trung thực sâu sắc làm cho chúng ta vô cùng xúc động. Nhờ đó mà thế hệ sau còn thấy được những

điều kiện sinh hoạt lao động vô cùng thiếu thốn, còn thấy được cái phẩm chất cao đẹp nhưng hết sức bình dị, bình dị đến làm cho chúng ta hôm nay phải ứa nước mắt trong tim, của những anh hùng lao động Trường (Hoàng) Sa nói riêng, nói chung của tổ tiên đã vì chúng ta mà cần cù đổ mồ hôi sôi nước mắt suốt 40 thế kỷ trên đất nước Việt Nam này!” (Tôn thất Dương Ky., 1982). □

CHÚ THÍCH

- (1) Bản thảo viết tay, lưu trữ tại Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển, số hiệu: Hồ sơ Khoa học 180 -28;29.
- (2) Bản thảo đánh máy, lưu trữ tại Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển, số hiệu
- (3) Hồ sơ cá nhân, Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển, số hiệu KH180.48-7
- (4) Kiểu xây nhô ra.
- (5) Trạng thái còn ẩm, chưa khô.
- (6) Theo lời kể của TS. Nguyễn Nhã, Trưởng đoàn du khảo.
- (7) Tên gọi để chỉ Hoàng Sa - Trường Sa
- (8) Bản đồ này do ông Hoàng Xuân Hãn sao chụp gửi về cho tác giả.
- (9) Sa Huỳnh bây giờ cũng như thời trước.
- (10) Các cự li tính bằng thời gian đi thuyền thời ấy.
- (11) Tức là Hoàng Sa - Trường Sa.
- (12) *Thực lục chính biên*, đệ nhị kỷ, quyển 122, tờ 23 a.b. Ngân tiền, kim tiền là những huy chương thời phong kiến.
- (13) Chúng ta đang nói chuyện về ông cha cách đây khá xa, dưới thời phong kiến (Chú thích của GS. Tôn Thất Dương Ky).

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Dương Ky. 1958. *Nghị luận luân lý*. Sài Gòn: Nhà sách Khai Trí.
2. GS Tôn Thất Dương Ky. Hồ sơ cá nhân. Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển, số hiệu KH180.48-7.
3. Mãn Khánh Dương Ky. 1943. “Du ký Indrapura (Đồng Dương)”. *Tri Tân*, số 109.
4. Tôn Thất Dương Ky. 1982. *Lịch sử Hoàng Sa - Trường Sa, lãnh thổ Việt Nam*. Tập 2. Bản thảo đánh máy. Thư viện Trung tâm Nghiên cứu Đô thị và Phát triển, số hiệu T1945.